

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2017/HN-PT

Ngày: 25 - 8 - 2017

V/v: "*Tranh chấp xin ly hôn*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Lâm Đồng

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Hoàng Dũng

2/ Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Lam Điền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 12/2017/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn*".

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 39/2016/HNST ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2017/QĐPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hồng A**, sinh năm 1976

Cư trú: 142 ấp I, xã K, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Phạm Khắc D – Văn phòng luật sư Khắc D, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: ông **Ngô Minh B**, Sinh năm 1979

Cư trú: 023 ấp T, xã K, huyện L, thành phố Cần Thơ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Nguyễn Kỳ Việt Đ – Văn phòng luật sư Việt Đ, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1944

Cư trú: 142 ấp I, xã K, huyện L, thành phố Cần Thơ .

Người đại diện hợp pháp cho ông NLQ1: ông Lê Quang E (theo văn bản ủy quyền ngày 21/7/2017).

2. NLQ2

Cư trú: 142 ấp I, xã K, huyện L, thành phố Cần Thơ.

3. NLQ3, sinh năm 1968

Cư trú: ấp I, xã K, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp cho bà NLQ3: ông Lương Văn C, sinh năm 1967, địa chỉ: K85 đường M, phường R, quận O, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2015).

4. NLQ4, sinh năm 1965

Cư trú: 312 ấp P, thị trấn L, huyện L, thành phố Cần Thơ.

5. NLQ5, sinh năm 1973

Cư trú: 132B21 đường Q, phường S, quận O, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn – bà Lê Thị Hồng A trình bày: bà và ông Ngô Minh B kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cự cãi do ông B thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con; vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 10/2014. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Về con chung, bà và ông B có 02 người con là Ngô Lê Cát G (nữ) sinh ngày 11/5/2013 và Ngô Lê Trâm H (nữ) sinh ngày 10/10/2014, bà yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có. Về nợ chung: nợ NLQ3 01 phần hui 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 25/9/2012 ân số tiền 8.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi số nợ này, mỗi người có trách nhiệm trả cho bà NLQ3 là 4.000.000 đồng.

Phía bị đơn - ông Ngô Minh B trình bày: năm 2012 ông và bà Lê Thị Hồng A tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nhỏ nhưng bà A nghe lời cha ruột, dần dần mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay bà A yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Ông và bà A có hai người con chung, ông yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai người con là Ngô Lê Cát G (nữ) sinh ngày 11/5/2013 và Ngô Lê Trâm H (nữ) sinh ngày 10/10/2014, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân, ông dùng tiền của mình cất căn nhà ngang 05m x dài 08m trên phần đất thửa 817, tờ bản đồ 01, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông NLQ1 (cha của bà A) đứng tên. Ông yêu cầu

ông NLQ1 hoàn trả cho ông giá trị căn nhà là 240.985.744 đồng. Về nợ chung, vợ chồng ông có vô 02 phần hụi do NLQ3 làm chủ hụi, tiền hốt hụi dùng để cất nhà, nay còn thiếu tiền hụi chết chưa đóng là 30.000.000 đồng, yêu cầu giải quyết nợ chung theo quy định pháp luật.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

- Ông NLQ1 trình bày tại tờ tường trình ngày 02/02/2015: căn nhà tại số 142 ấp I, xã K, huyện L là của ông cất, ông chỉ cho vợ chồng bà A, ông B ở nhờ, vì vậy ông không đồng ý với yêu cầu trả giá trị nhà của ông B.

- Đại diện NLQ2 – ông Cao Văn N trình bày tại bản tự khai ngày 09/6/2016: căn nhà các bên tranh chấp tại thửa đất 817, 802, tờ bản đồ số 01 không phải là tài sản của NLQ2, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt hợp tác xã.

- NLQ3 trình bày: bà A, ông B có tham gia chơi hụi do bà làm chủ và còn thiếu lại tiền như sau:

+ Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 25/9/2012 âl, gồm 32 phần, bà A, ông B tham gia 02 phần và đã hốt hụi, sau đó đóng hụi chết đến ngày 25/11/2014 âl thì ngưng, số tiền còn thiếu 08 lần x 1.000.000 đồng/phần x 02 phần = 16.000.000 đồng.

+ Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng mở ngày 10/12/2013 âl, gồm 33 phần, bà A, ông B tham gia 01 phần và đã hốt hụi, sau đó đóng hụi chết đến ngày 10/11/2014 âl thì ngưng, số tiền còn thiếu 14 lần x 1.000.000 đồng/lần = 14.000.000 đồng.

Bà yêu cầu ông B, bà A trả cho bà số tiền nợ hụi là 30.000.000 đồng.

- NLQ4 trình bày: năm 2013 bà cho ông B mượn 60.000.000 đồng để cất nhà, do ông B đồng ý trả nợ nên bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án ly hôn giữa ông B và bà A, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

- NLQ5 trình bày: ông B mượn của bà 20.000.000 đồng, bà không có yêu cầu đòi nợ giải quyết trong cùng vụ án ly hôn giữa ông B và bà A, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 39/2016/HNGĐ-ST ngày 06/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã tuyên như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Hồng A và ông Ngô Minh B.

- Về con chung: giao Ngô Lê Cát G (nữ) sinh ngày 11/5/2013 cho ông Ngô Minh B nuôi dưỡng, giao Ngô Lê Trâm H (nữ) sinh ngày 10/10/2014 cho bà Lê Thị Hồng A nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông B, bà A, không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của ông B, bà A giao căn nhà diện tích 47,8m² trên đất thửa 817, 802, tờ bản đồ số 01, tại ấp I, xã K, huyện L, thành phố Cần Thơ cho ông NLQ1. Ông NLQ1 có nghĩa vụ thối hoàn giá trị nhà cho ông Ngô Minh B số tiền 120.492.900 đồng.

- *Về nợ chung*: Ông B, bà A mỗi người có nghĩa vụ trả cho NLQ3 số tiền 15.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí đo đạc, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 19/12/2016 nguyên đơn bà Lê Thị Hồng A, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 kháng cáo bản án sơ thẩm, ngày 20/12/2016 bị đơn ông Ngô Minh B kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại.

Ngày 26/12/2016 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP Cần Thơ có quyết định kháng nghị số 01/2016/KNPT-DS đề nghị hủy 01 phần bản án sơ thẩm về phần tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và các ý kiến như đã trình bày. Đại diện Viện kiểm sát tham gia tố tụng tại phiên tòa giữ nguyên quyết định kháng nghị

Đại diện Viện Kiểm sát trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí của đương sự đúng thời hạn nên hợp lệ về mặt hình thức. Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị cho thuận tình ly hôn giữa ông B và bà A. Về con chung không chấp nhận kháng cáo của bà A về việc yêu cầu xin nuôi con chung là cháu Cát G. Về phần nợ chung cần xác định lại số hụi mà ông B phải trả cho bà NLQ3 là 20.000.000 đồng do ông B thừa nhận số nợ, bà A phải trả cho bà NLQ3 là 10.000.000 đồng. Về tài sản chung là căn nhà thì cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ các hóa đơn chứng từ, ngoài ra ông NLQ1 cũng không có đơn yêu cầu độc lập và nộp tạm ứng án phí sơ thẩm đối với tài sản trên. Do đó cần phải hủy 01 phần bản án về phần tài sản chung để giao về cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe các bên phát biểu tranh luận.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án.

Sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Lê Thị Hồng A và ông Ngô Minh B kết hôn năm 2012 có đăng ký kết hôn theo quy định, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà A và ông B xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ tháng 10/2014. Nay bà A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông B, do đó Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Theo quy định của pháp luật, khi giải quyết ly hôn thì giải quyết cả vấn đề về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung. Vì vậy nên xác định lại quan hệ pháp luật là "tranh chấp xin ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015 cho phù hợp.

Qua xem xét nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng A bà không đồng ý với việc giao con chung là cháu Ngô Lê Cát G cho ông B nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy về con chung thì ông B bà A có 02 con chung là Ngô Lê Cát G và Ngô Lê Trâm H. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Xét về điều kiện kinh tế và điều kiện hoàn cảnh môi trường chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung, cả ông B, bà A đều có điều kiện như nhau để nuôi dưỡng con chung, nhưng hai cháu còn nhỏ, cần được ổn định cuộc sống, tránh gây xáo trộn làm ảnh hưởng đến tâm lý các cháu. Ngoài ra, cháu Cát G đã được bị đơn nuôi dưỡng chăm sóc tốt từ 17 tháng tuổi đến nay, tại thời điểm xét xử sơ thẩm cháu G cũng đã hơn 36 tháng tuổi, do đó Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tiếp tục giao cháu Cát G cho ông B nuôi dưỡng, giao cháu Trâm H cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp. Sau này nếu chứng minh được đương sự nào không thực hiện tốt quyền nuôi con, thì vì lợi ích của con, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bà Lê Thị Hồng A về việc không đồng ý trả 15.000.000 đồng cho NLQ3 vì vợ chồng bà chỉ còn nợ hui là 8.000.000 đồng, do đó bà chỉ đồng ý trả 4.000.000 đồng. Xét thấy bà NLQ3 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu bà Ân và ông B trả tổng cộng số tiền nợ hui là 30.00.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh, chỉ có những giấy viết tay ghi số tiền hui qua các lần nhưng không rõ ràng, không thể hiện được cụ thể số tiền hui mà bà A và ông B còn thiếu, cũng không có chữ ký xác nhận của ông B, bà A. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 15.5.2015 ông B xác định nợ hui của bà NLQ3 là 20 triệu đồng. Nhưng sau khi bà NLQ3 có đơn yêu cầu độc lập là trả 30 triệu thì ông B cũng thống nhất số nợ hui là 30 triệu, bà A thì không thừa

nhận. Do ông B thừa nhận nợ hui là 30 triệu nên ông phải chịu 1/2 số nợ hui trên số tiền 20 triệu ban đầu và 10 triệu đồng số tiền hui chênh lệch theo lời thừa nhận của ông B. Do đó cần phải điều chỉnh lại ông B phải chịu trách nhiệm trả 20 triệu cho bà NLQ3, còn bà A có trách nhiệm trả số nợ 10 triệu cho bà NLQ3.

[3] Xét kháng cáo của ông Ngô Minh B, kháng cáo của ông NLQ1 và xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP Cần Thơ. Ông B không đồng ý với việc ông NLQ1 được hưởng 50% giá trị căn nhà. Ông NLQ1 kháng cáo không đồng ý trả số tiền 120.492.900 đồng cho ông Ngô Minh B vì đây là tài sản của ông, là nhà của ông, không phải là nhà của bị đơn ông B. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở cho rằng căn nhà trên diện tích 47,8m² tọa lạc tại số 142 ấp I, xã K, huyện L là nhà của ông NLQ1 bỏ tiền ra mua vật tư, thuê nhân công xây dựng, thể hiện qua các hóa đơn mua vật liệu đề tên "ông Hai NLQ1" do ông NLQ1 cung cấp. Ông B cho rằng có công sức đóng góp trong việc xây dựng nhưng lại không đưa ra được chứng cứ rõ ràng chứng minh công sức đóng góp của mình là bao nhiêu. Nên việc cấp sơ thẩm tuyên ông NLQ1 trả lại cho ông B 120.492.900 đồng là chưa có cơ sở vững chắc. Ngoài ra thì trong vụ kiện này ông NLQ1 không có đơn yêu cầu độc lập cũng như không nộp tạm ứng án phí đối với phần tài sản là căn nhà tranh chấp này nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên giao căn nhà cho ông NLQ1 sau khi hoàn trả 1/2 giá trị cho ông B là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 146 BLTTDS. Những sai sót nêu trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy 01 phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung là căn nhà diện tích 47,8m² tọa lạc tại số 142 ấp I, xã K, huyện L. Do kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP Cần Thơ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ngoài ra còn một số sai sót về thủ tục ở cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm như không có Quyết định phân công Thẩm phán, không có quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2016/QĐST- HNGĐ ngày 10/10/2016 theo như bản án sơ thẩm đã thể hiện.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: do đây là vụ kiện xin ly hôn nên nguyên đơn bà Lê Thị Hồng A phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về án phí chia tài sản chung (nợ chung): do yêu cầu độc lập của NLQ3 được chấp nhận nên ông B phải chịu án phí là 1.000.000 đồng, bà An phải chịu án phí là 500.000 đồng. Bà NLQ3 không phải chịu án phí.

Về án phí hôn nhân phúc thẩm: do sửa một phần, hủy một phần bản án sơ thẩm nên không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2, khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Hồng A về việc yêu cầu xin được nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Lê Cát G. Không chấp nhận kháng cáo của bà A về nợ chung

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của NLQ3. Buộc bà Lê Thị Hồng A có trách nhiệm trả cho bà NLQ3 10.000.000 đồng, ông Ngô Minh B có trách nhiệm trả cho bà NLQ3 20.000.000 đồng.

- Chấp nhận kháng nghị số 01/2016/KNPT-DS ngày 26/12/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân TP Cần Thơ. Hủy 01 phần bản án sơ thẩm số 39/2016/HNST ngày 06/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền về phần chia tài sản chung là căn nhà diện tích 47,8m² tọa lạc tại số 142 ấp I, xã K, huyện Phong Điền. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử lại về phần này.

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Hồng A và ông Ngô Minh B

- Về con chung: giao cháu Ngô Lê Cát G sinh ngày 11/5/2013 cho ông Ngô Minh B nuôi dưỡng, giao cháu Ngô Lê Trâm H sinh ngày 10/10/2014 cho bà Lê Thị Hồng A nuôi dưỡng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho bà Lê Thị Hồng A, ông Ngô Minh B, không ai có quyền cản trở bà A, ông B thực hiện quyền này.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: do đây là vụ kiện xin ly hôn nên nguyên đơn bà Lê Thị Hồng A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, được khấu trừ 200.000 đồng theo biên lai thu số 003716 ngày 15/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

- Về án phí chia nợ chung: bà Lê Thị Hồng A phải chịu 500.000 đồng, ông Ngô Minh B phải chịu 1.000.000 đồng. NLQ3 không phải chịu án phí nên được nhận lại 750.000 đồng theo biên lai thu số 003937 ngày 04/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ.

Về án phí hôn nhân phúc thẩm: do sửa một phần, hủy một phần bản án sơ thẩm nên không ai phải chịu, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng A được nhận lại

200.000 đồng theo biên lai thu số 004694 ngày 19/12/2016, bị đơn ông Ngô Minh B được nhận lại 200.000 đồng theo biên lai thu số 004697 ngày 20/12/2016, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 được nhận lại 200.000 đồng theo biên lai thu số 004695 ngày 19/12/2016, tất cả các biên lai trên đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- Dương sự.
- VKSNDTPCT
- TAND H. Phong Điền
- Chi cục THA DS H. Phong Điền
- Lưu (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Lâm Đồng